TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA
Số: 60/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Xương, ngày 03 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/3/2019 anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H thừa nhận đã đăng ký kết hôn ngày 08/11/2012 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Hiên nay tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy anh H và chị H thống nhất yêu cầu tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H và chị H thống nhất thỏa thuận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/5/2013 và Nguyễn Mai A, sinh ngày 27/4/2016. Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là Nguyễn Minh H và Nguyễn Mai A, Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/ 02 con chung (Mỗi con chung 1.750.000 đồng/1 tháng), kể từ tháng 4/2019 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị H thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh H và chị H thống nhất để anh H chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/5/2013 và Nguyễn Mai A, sinh ngày 27/4/2016. Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là Nguyễn Minh H và Nguyễn Mai A, Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/ 02 con chung (Mỗi con chung 1.750.000 đồng/1 tháng), kể từ tháng 4/2019 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh H và chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H chịu 300.000 đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001503 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã N, huyện S;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Xuân Dũng

THẨM PHÁN

Nơi nhận: *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấ*
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].